

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGT – ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2019
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2019/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985, (có mặt).

Địa chỉ: phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: A Phạm H1, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số 06 Hà Nội; Địa chỉ: xã M, huyện S, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2019 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Phạm H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Phúc Yên ngày 27/6/2007. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình H1. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018 nguyên nhân là do anh H1 nghiện ma túy, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời rồi về nhà chửi bới chị. Chị cùng gia đình đã nhiều lần động viên anh H1 cai nghiện nhưng anh H1 không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đến tháng 11 năm 2018 anh H1 đánh đuổi chị nên chị phải đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Chị được biết vào tháng 5/2019 anh H1 đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Bị đơn anh Phạm H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh H1 trình bày: A thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị H là đúng. Chị H làm đơn xin ly hôn anh không mong muốn ly hôn xảy ra. Tuy nhiên, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh H1 đều thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Đức A, sinh ngày 30/10/2007, hiện các cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, còn anh H1 trình bày nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hu H và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Phạm H1 vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm H1 có hộ khẩu thường trú tại: phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Trắc, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 27/6/2007 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh H1 có hộ khẩu thường trú đều thể hiện, chị H và anh H1 hiện nay đang sống ly thân. Hiện tại chị H đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11/2018, còn anh H1 đi cai nghiện tại Cơ sở cai số 06 Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 nghiện ngập không chịu lao động nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Vợ chồng chị H và anh H1 có hai con chung là cháu Phạm Quỳnh T, sinh năm 2003 và cháu Phạm Đức A, sinh năm 2007, các cháu đang ở với chị H. Thời gian ở địa phương chị H buôn bán tự do và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Còn anh H1 bị nghiện, không có việc làm ổn định, bản thân anh H1 đang đi cai nghiện. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh H1, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh H1 vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H1 nghiện ngập, chơi bời không chịu lao động dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi chửi nhau. Từ tháng 11/2018 đến nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Chị H làm đơn xin ly hôn, anh H1 không mong muốn việc ly hôn xảy ra. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã

đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có hai con chung là cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Đức A, sinh ngày 30/10/2007, hiện cháu T và cháu A đang ở với chị H. Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh H1 cư trú đều thể hiện chị H có việc làm để tạo ra thu nhập và có đủ điều kiện để nuôi con. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung còn anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị H là hoàn toàn thực tâm. Do hai bên không thỏa thuận được việc nuôi con theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Trên thực tế, từ khi chị H và anh H1 sống ly thân cháu T và cháu A sống cùng với chị H và theo nguyện vọng của các cháu xin được ở với chị H. Do vậy, cần giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu A là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh H1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm H1.
2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Đức A, sinh ngày 30/10/2007.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi

ly hôn anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004345 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị T Nhung

